

Bản án số: 40/2021/DS-PT
Ngày: 26 - 3 - 2021
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản
là di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tâm

Các Thẩm phán: Ông Đoàn Ngọc Thiện

Ông Đặng Đức Hào

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy 9 – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 184/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp di sản thừa kế và đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 190/2020/QĐ-PT ngày 23/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐ-PT ngày 05/01/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 14/2021/QĐTN ngày 29/01/2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 40/2021/TB-TA ngày 08/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1950; Địa chỉ: 121/55/3 đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu. (Vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phạm Đăng Kh, sinh năm 1977; Trú tại 121/55/3 đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 13-12-2017). (Có mặt);

- Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1956 và bà Đỗ Thị A, sinh năm 1956; Địa chỉ: 121/55/9 đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt);

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Long H, sinh năm 1964; Địa chỉ: 90/66/1 đường H, Phường B, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 17-01-2018). (Có mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1976; bà Phạm Thị H2, sinh năm 1979; bà Phạm Thị H3, sinh năm 1981; Cùng địa chỉ: 121/55/9 đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Bà H3 có mặt; bà H1, bà H2 vắng mặt).

+ Ông Trần X (Trần Văn X), sinh năm 1936 và bà Trần Thị M, sinh năm 1944; Cùng địa chỉ: 55 đường T, Phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông X, bà M: Ông Trần Thanh L, sinh năm 1958; Địa chỉ: số 55 đường T, Phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu là người đại diện theo ủy quyền của ông X và bà M (Văn bản ủy quyền ngày 05-3-2018). (Có mặt);

+ Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bà Rịa– Vũng Tàu; Địa chỉ: 83 đường Đồ Chiểu, Phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị Ánh Ng; Chức vụ: Quyền Trưởng phòng. (Vắng mặt);

- *Người làm chứng:*

+ Ông Trần Xuân L, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt));

+ Ông Trần Xuân L1, sinh năm 1933; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt);

+ Ông Trần Văn D, sinh năm 1935; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt);

+ Ông Trần Xuân H, sinh năm 1940; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt);

+ Ông Trần Xuân S, sinh năm 1935; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt);

+ Ông Trần Xuân Kh, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt);

+ Ông Trần Xuân M, sinh năm 1948; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt);

+ Ông Trần Xuân N, sinh năm 1937; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt);

+ Ông Trần Xuân Tr, sinh năm 1950; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt);

+ Ông Trần Xuân T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt);

+ Bà Đỗ Nguyệt Ng, sinh năm 1933; Địa chỉ: 121/5/7 đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt);

+ Bà Đoàn Thị Ch, sinh năm 1954; Địa chỉ: 73 đường Y, Phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Mạnh Th, sinh năm 1962; Địa chỉ: 121/5/7 đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt);

+ Bà Dương Thị Ch, sinh năm 1969; Địa chỉ: 121/55/3A đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt);

+ Ông Đoàn T, sinh năm 1936; Địa chỉ: 71 đường Yên Bái, Phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt);

+ Ông Trần Xuân Th, sinh năm 1955; Địa chỉ: 55 đường Trần B, Phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt);

+ Bà Trần Thị Th, sinh năm 1963; Địa chỉ: 55 đường Trần Bình Trọng, Phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị A là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà H là con nuôi của ông Trần Ngh (chết năm 1992) và bà Phạm Thị X (chết năm 2006), Bà H được ông Ngh, bà X nuôi từ khi Bà H được 07 tháng tuổi, ông Ngh và bà X không có con chung. Trước khi ông Ngh kết hôn với bà X thì ông Ngh chung sống với bà Phạm Thị Ch (bà Ch chết năm 1997) và có 02 con là ông Trần X (Trần Văn X) và bà Trần Thị M. Ông Ngh có cha là Trần H (chết năm 1933), mẹ là Cù Thị Th (chết năm 1927). Bà X có cha là Phạm Văn Th (chết trước năm 1945), mẹ là Trịnh Thị T (chết trước năm 1945). Bà Ch có cha là Phạm Công Q (chết năm 1944), mẹ là Trần Thị M1 (chết năm 1968).

Khi còn sống, ông Ngh, bà X có tạo lập được khối tài sản là nhà và đất tại địa chỉ số 120/41 (số mới 121/55/9) đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu thuộc một phần thửa 488 (cũ 348), tờ bản đồ số 21 (cũ 03), diện tích đất 386,4m² theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019. Ngày 04/3/2002 bà X lập Tờ di chúc nội dung: ông Ngh, bà X là đồng sở hữu và sử dụng căn nhà số 120/41 (mới 121/55/9) đường B, Phường T, TP. Vũng Tàu (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 96/CNSH do Sở Xây dựng Đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo cấp ngày 25/3/1998) và quyền sử dụng lô đất thuộc thửa số 348, tờ bản đồ số 03, Phường T, TP. Vũng Tàu (theo Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất số 1202/P4/Đ.K.R.Đ do Ủy ban nhân dân Phường T, TP. Vũng Tàu cấp ngày 21/4/1990), bà Phạm Thị H được thừa kế toàn bộ phần tài sản của bà X nêu trên. Sau khi bà X chết, Bà H tiến hành làm thủ tục đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật nhưng bị ông H hiện đang sinh sống trên nhà và đất số 120/41 (mới 121/55/9) đường B, Phường T, TP. Vũng Tàu ngăn cản vì cho rằng khi bà X còn sống có hứa cho ông H đứng tên để làm nhà từ đường. Tuy nhiên ông H không có giấy tờ gì để chứng minh sự việc này mà vẫn ngang nhiên sinh sống trên nhà và đất nêu trên.

Do đó, bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định Bà H, ông X và bà M là những người thừa kế của ông Ngh, bà X. Yêu cầu ông H, bà A và 03 người con là Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2, bà Phạm Thị H3 là những người đang ở trên nhà đất phải trả lại cho những người thừa kế của bà X, ông Ngh toàn bộ nhà và đất tại số 120/41 (số mới 121/55/9) đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu thuộc lô A, B có diện tích 386,4m² đất thuộc một phần thửa 488 (cũ 348), tờ bản đồ số 21 (cũ 03),

Phường T, thành phố Vũng Tàu theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019.

Đối với Di chúc do Bà X lập ngày 04/3/2002 là hợp pháp. Ông H, bà A cho rằng di chúc không hợp pháp là không đúng.

Bà H không đồng ý yêu cầu phản tố của ông H, bà A, vì nhà và đất tranh chấp là di sản của ông Ngh, bà X mà ông H, bà A không phải hàng thừa kế của ông Ngh, bà X và cũng không được ông Ngh, bà X để lại di chúc.

Tại Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019 thể hiện Lô C diện tích 1,4m² và Lô D diện tích 1,1m², bà H không yêu cầu giải quyết đối với 2 lô này.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, Bà H, ông X và bà M thống nhất hỗ trợ ông H, bà A số tiền 1.500.000.000đ.

* Theo đơn yêu cầu phản tố và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị A và người đại diện hợp pháp của ông H và bà A trình bày: Ông H, bà A xác nhận nguồn gốc nhà và đất tranh chấp tại địa chỉ số 120/41 (số mới 121/55/9) đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu đúng là của ông Ngh và bà X. Bà H và vợ chồng ông H đều có quan hệ là cháu của ông Ngh và bà X. Năm 1989, ông Ngh bà X có đưa vợ chồng ông H, bà A từ quê vào Vũng Tàu để ở cùng và chăm sóc ông Ngh, bà X tại căn nhà số 120/41 (số mới 121/55/9) đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu. Ông Ngh và bà X không có con chung nên bà X coi ông H như con (tuy nhiên không có văn bản nào xác nhận về việc này). Ông H, bà A xác định không ở nhờ nhà Bà H vì ông Ngh, bà X đã đưa ông H, bà A vào để ở cùng, chăm sóc ông, bà như cha, mẹ của mình cho đến khi ông, bà qua đời và hiện nay ông H, bà A vẫn ở trong căn nhà trên để thờ cúng ông Ngh, bà X.

Thời điểm năm 2002, khi làm tờ di chúc, bà X đã bị tai biến, rất yếu, di chứng gần như mất trí nhớ nhưng phía ông H, bà A không có chứng cứ về việc Bà X bị bệnh, do đó bà X không đủ tỉnh táo để lập di chúc. Trong văn bản khai nhận di sản thừa kế, Bà H có khai mối quan hệ của Bà H với bà X, ông Ngh là con gái duy nhất, bà X và ông Ngh không có con riêng, con chung, con nuôi nào khác là không đúng sự thật, vì vậy Tờ di chúc được lập không hợp pháp.

Tại đơn có mất ngày 27/9/2011, Bà H có khai làm mất giấy tờ liên quan đến nhà đất trên là không đúng vì năm 1997 bà X có giao toàn bộ giấy tờ nhà và đất trên cho ông H, bà A giữ và bà X nói lúc nào rảnh thì dẫn bà đi làm giấy tờ sang tên cho ông H, bà A. Tuy nhiên phần thì chưa có đủ điều kiện và phần vì lo cho bà ốm đau bệnh tật nên ông H, bà A không nghĩ đến việc đi làm giấy tờ. Hiện nay ông H, bà A đang giữ toàn bộ bản chính giấy tờ nhà, đất nêu trên. Mặt khác, Bà H không phải là người thừa kế hợp pháp theo quy định.

Từ những căn cứ nêu trên, ông H bà A không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà H.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông X, bà M: Ông H, bà A không đồng ý yêu cầu của ông X, bà M do ông Ngh không có người con nào, bà X cũng vậy.

Ông H, bà A xác nhận hiện nay ông H, bà A cùng các con là Phạm Thị H1, Phạm Thị H2 và Phạm Thị H3 đang ở trên nhà đất tranh chấp. Yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 386,4m² thuộc một phần thửa 488 (cũ 348), tờ bản đồ số 21 (cũ 03) lô A, B Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019 thuộc quyền sử dụng của ông H, bà A.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của ông H, bà A cho rằng: Đối với di chúc của ông bà Hiền Kh ngày 09-02-1984, ông H, bà A chỉ công nhận tính hợp pháp phần của ông Ngh, còn phần Bà X không có hiệu lực vì căn cứ kết quả giám định thì chữ ký và chữ viết trong di chúc này không phải của Bà X. Trong vụ án này, ông H, bà A và các con của ông H, bà A không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về chi phí cho việc bảo quản di sản, chi phí sửa chữa công trình trên đất và chi phí chăm sóc ông Ngh, Bà X vì khi chăm sóc ông Ngh, Bà X thì ông H, bà A không nghĩ đến việc sau này sẽ đòi các chi phí này, tuy nhiên, do thiện chí từ phía ông X, bà M và bà H tự nguyện hỗ trợ ông H, bà A số tiền 1.500.000.000đ nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Đối với ông X, bà M thì ông H, bà A không phủ nhận việc ông X, bà M là con riêng của ông Ngh, chỉ là trước đây ông H, bà A không biết việc ông Ngh có 02 người con này.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Trần X (Trần Văn X) và bà Trần Thị M trình bày: Bà Phạm Thị H là con nuôi của ông Trần Ngh (chết năm 1992) và bà Phạm Thị X (chết năm 2006), ông Ngh và Bà X không có con chung. Trước khi ông Ngh kết hôn với bà X thì ông Ngh đã có 02 người con với bà Phạm Thị Ch (chết năm 1997) là ông Trần X và bà Trần Thị M. Ông Trần Ngh có cha là Trần H (chết năm 1933), mẹ là Cù Thị Th (chết năm 1927). Bà Phạm Thị X có cha là Phạm Văn Th (chết trước năm 1945), mẹ là Trịnh Thị T (chết trước năm 1945). Bà Phạm Thị Ch có cha là Phạm Công Q (chết năm 1944), mẹ là Trần Thị M1 (chết năm 1968).

Khi còn sống, ông Ngh, bà X có tạo lập được khối tài sản là nhà và đất tại địa chỉ số 120/41 (số mới 121/55/9) đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu thuộc một phần thửa đất 488 (cũ 348), tờ bản đồ số 21 (cũ 03) với diện tích đất 386,4m² theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019.

Năm 1984 ông Ngh và bà X có lập di chúc cho ông X nhà đất trên. Năm 1992 ông Ngh chết. Năm 2006 bà X chết để lại di chúc cho bà Phạm Thị H. Năm 1989 bà X có cho ông Phạm Văn H là cháu họ ở nhờ trên nhà và đất trên.

Nay ông X, bà M yêu cầu Tòa án xác định ông X, bà M và bà Phạm Thị H là những người thừa kế hợp pháp của ông Ngh, bà X. Yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà A cùng các con ông H và bà A là bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2, bà Phạm Thị H3 là những người đang ở trên nhà và đất tranh chấp phải trả lại cho những người thừa kế của bà X, ông Ngh gồm có bà Phạm Thị H, ông Trần X và bà Trần Thị M toàn bộ nhà và đất tại địa chỉ số 120/41 (số mới 121/55/9) đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu có diện tích 386,4m² đất thuộc một phần thửa 488 (cũ 348), tờ bản đồ số 21 (cũ 03), Phường T, thành phố Vũng Tàu (lô A và lô B -Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019).

Đối với yêu cầu phản tố của ông H, bà A: Ông X, bà M không đồng ý vì đây là di sản thừa kế của ông Ngh, bà X mà ông H, bà A không phải hàng thừa kế của ông Ngh, bà X và cũng không được ông Ngh, bà X để lại di chúc. Ông X, bà M xác nhận Bà H là con nuôi của ông Ngh, bà X vì Bà H được ông Ngh, bà X nuôi từ khi mới 07 tháng tuổi và tại di chúc của ông bà Hiền Kh ngày 09-02-1984 cũng xác nhận Bà H là con nuôi của ông Ngh, bà X.

- Bà Phạm Thị H3 trình bày: Bà H3 là con ruột của ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị A và hiện nay đang ở trên nhà đất số 121/55/9 đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu. Năm 1989, ông Trần Ngh và bà Phạm Thị X đã về quê đón ông H, bà A cùng bà H, bà Phạm Thị Thanh H1, bà Phạm Thị Thu H2 vào Vũng Tàu với lý do là chăm sóc và phụng dưỡng ông Ngh, bà X lúc tuổi già. Ông, bà đã công bố cho gia đình bà H3 căn nhà trên mảnh đất mà ông bà sinh sống từ trước đến nay tại địa chỉ 121/55/9 đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu. Ông H, bà A chịu trách nhiệm giữ gìn, sửa chữa căn nhà này để làm nơi thờ cúng tổ tiên khi ông, bà qua đời. Riêng bà H3, được ông Ngh bà X công bố cho mảnh đất cạnh căn nhà mà ông H, bà A đang ở (điều này được rất nhiều người hàng xóm nghe và chứng kiến). Nay bà H3 có ý kiến, đối với căn nhà ông H, bà A đang ở thì để ông H, bà A toàn quyền quyết định, bà H3 không có ý kiến. Đối với mảnh đất ông Ngh, bà X đã công bố cho bà H3 thì yêu cầu Tòa công nhận cho bà H3 phần diện tích đất 200m² thuộc một phần nhà đất số 121/55/9 đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu. Tuy nhiên, ngày 03-6-2020, bà H3 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu này và đồng ý yêu cầu phản tố của ông H bà A. Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị H2, ông Trần X và bà Trần Thị M yêu cầu bà H3 di dời để trả lại toàn bộ nhà đất trên thì bà H3 không đồng ý.

- Bà Phạm Thị H1 và Phạm Thị H2 trình bày: Bà H1 và Bà H2 đồng ý với quan điểm của ông H, bà A đã trình bày. Bà H1 và Bà H2 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Phòng Công chứng số 01 tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình bày: Tờ di chúc của bà Phạm Thị X do Công chứng số 01 tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công chứng số 125, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/3/2002 thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm công chứng. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

* Người làm chứng trình bày:

- Các ông Trần Xuân L, Trần Xuân L1, Trần Xuân D, Trần Xuân H, Trần Xuân S, Trần Xuân Kh, Trần Xuân M, Trần Xuân N, Trần Xuân Tr, Trần Xuân T trình bày: Các ông là những người thân trong dòng họ của ông Trần Ngh và bà Phạm Thị Ch xác nhận ông Trần X (Trần Văn X) và bà Trần Thị M là con của ông Trần Ngh và bà Phạm Thị Ch.

- Ông Trần Xuân Th và bà Trần Thị Th trình bày: Khoảng cuối tháng 9 năm 1991, ông nội của ông Th và bà Thọ là ông Trần Ngh về quê tại thôn T, xã Hi, huyện V, tỉnh Nam Định xây từ đường tại đất tổ tiên của gia đình ông Th bà Th. Đến cuối tháng 10 năm 1991, từ đường được xây dựng xong. Trong thời gian này ông Ngh lâm bệnh, đến ngày 06 - 01-1992, ông Ngh cho mời toàn thể con cháu nội, ngoại và toàn thể gia quyến đến để nghe lời căn dặn của ông. Bản thân ông Th là người ghi lại những lời căn dặn của ông Ngh một cách đầy đủ, đúng theo lời ông Ngh căn dặn trong Biên bản bàn giao di chúc do ông Ngh Bà X lập ngày 09-02-1984.

- Bà Đỗ Nguyệt Ng trình bày: Bà Ng cùng quê ở Hà Nội với bà X, thỉnh thoảng bà Ng vào chơi và ở nhà con trai tên Nguyễn Mạnh Th (hàng xóm của bà X). Những lần vào Vũng Tàu, bà Ng đều qua chơi với bà X. Bà Ng được biết, bà X có đưa vợ chồng ông H, bà A vào ở cùng để chăm sóc cho bà X và bà Ng thấy ông H, bà A chăm sóc bà X chu đáo. Đối với di chúc ngày 04-3-2002 có phải do bà X lập hay không thì bà Ng không biết, bà Ng chỉ biết việc bà X thường xuyên nói với bà Ng là sẽ để lại cho ông H, bà A nhà, đất trên để thờ cúng và miếng đất phía sau căn nhà cho cháu H3 là con ông H, bà A. Hơn nữa, vào cuối năm 2001, bà Ng có nghe tin bà X bị bệnh tai biến, thần trí không minh mẫn nên không thể viết di chúc được. Việc bà X bị bệnh, bà Ng chỉ nghe nói chứ không trực tiếp chứng kiến. Bà Ng không nghe nói việc bà X có con, ngoài việc có bà Phạm Thị H là con nuôi, còn ông H, bà A là cháu trực tiếp chăm sóc bà X. Toàn bộ lời trình bày trên, bà Ng không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

- Bà Đoàn Thị Ch trình bày: Bà Ch là hàng xóm của bà X. Bà Ch được biết bà X có đưa vợ chồng ông H, bà A vào ở cùng để chăm sóc cho bà X. Đối với di chúc ngày 04-3-2002 do bà X lập hay không thì Bà Ch không biết, Bà Ch chỉ biết việc bà X có nói là sẽ cho ông H, bà A và cháu H3 nhà đất trên. Bà Ch có khuyên ông H, bà A đi làm giấy tờ nhưng ông H nói lúc đó khó khăn nên không đi làm. Hơn nữa, vào cuối năm 2001, bà X bị bệnh tai biến, tinh thần không minh mẫn, sức khỏe kém, đi lại không được phải có người dìu nên không thể viết di chúc được. Toàn bộ lời trình bày trên Bà Ch không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án nhưng bà là người trực tiếp nghe và chứng kiến.

- Ông Nguyễn Mạnh Th trình bày: Ông Th là hàng xóm của ông H, bà A. Trước đây, ông Th có thời gian ở cùng nhà với bà X nhưng một thời gian sau, ông Th mua một phần đất của bà X và ra ở riêng. Nhiều lần nói chuyện, bà X có nói sẽ để lại nhà đất tranh chấp trên cho ông H, bà A để thờ cúng và cho bà H3 phần đất sau nhà. Ông H, bà A chăm sóc bà X rất tốt, còn Bà H thì không được lòng bà X. Năm 2001, bà X bị tai biến, phải nhập viện. Sau khi tai biến, bà X không còn minh mẫn nữa, mất ý thức, sức khỏe suy yếu, đi lại phải có người dìu. Ông Th không biết việc bà X có để lại di chúc không. Tuy nhiên, có hôm ông Th thấy có ông L công chứng viên đến nhà bà X. Ông Th có nói ông L ở lại chơi nhưng ông L về luôn, trên tay ông L có cầm cuộn giấy và hộp mực. Ông Th vào nhà thì thấy tay của bà X bấn. Ông Th có nghe bà X kể, ông Ngh trong thời gian sống với bà X, ông Ngh có trốn ra ngoài Bắc quan hệ với vợ cũ nên sinh ra bà Trần Thị M. Sự việc trên ông Th không có chứng cứ nhưng ông Th trực tiếp nghe và chứng kiến.

- Bà Dương Thị Ch trình bày: Bà Ch là hàng xóm của ông H, bà A, gia đình bà Ch có mua đất của bà X năm 1999 và khi chuyển đến, bà Ch được biết bà X có đưa ông H, bà A vào Vũng Tàu để phụng dưỡng bà X. Năm 2001, bà X bị tai biến, phải nhập viện. Sau khi tai biến, bà X không còn minh mẫn nữa, mất ý thức, sức khỏe suy yếu, đi lại phải có người dìu. Bà Ch có nghe ông Th kể lại có người đến nhà bà X cầm giấy tờ gì đó rồi lẩn tay bà đi về, còn cụ thể ai đến làm gì thì bà Ch không biết. Bà Ch cũng nghe nói, bà X cho ông H, bà A nhà đất tranh chấp trên nhưng cụ thể cho chưa thì bà không biết. Việc bà Ch trình bày không có chứng cứ chứng minh chỉ chứng kiến và nghe nói vậy. Bà Ch không biết việc ông Ngh, bà X có con hay không.

- Ông Đoàn T trình bày: Ông T là hàng xóm của ông H, bà A. Năm 1985, Ông T mua thửa đất Ông T đang ở của bà X. Ông T có thấy bà X đưa 02 người cháu là ông H,

bà A vào ở cùng chăm sóc. Ngoài ông H, bà A thì không có ai chăm sóc bà X. Ông T có nghe nói, sau khi chết bà X sẽ cho ông H, bà A nhà đất trên và cho cháu H3 miếng đất phía sau. Năm 2001, bà X bị tai biến, phải nhập viện. Sau khi tai biến, bà X không còn minh mẫn, mất ý thức, sức khỏe suy yếu và đi lại phải có người dìu. Việc Ông T trình bày không có chứng cứ chứng minh chỉ chứng kiến và nghe nói vậy. Ông T không biết việc ông Ngh, bà X có con hay không.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã quyết định như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H và yêu cầu độc lập của ông Trần X, bà Trần Thị M đối với ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị A, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H3, về việc tranh chấp về thừa kế tài sản và đòi tài sản.

Tuyên bố: Nhà đất tại số 120/41 (số mới 121/55/9) đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu có diện tích 386,4m² đất thuộc một phần thửa 488 mới (cũ 348), tờ bản đồ số 21 mới (cũ 03) thuộc lô A, B theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019 và vật kiến trúc trên đất gồm: 01 căn nhà 01 tầng loại 3, diện tích 109,4m²; nền gạch Ceramic, diện tích 40m² và 01 bể nước, thể tích 2,98m³ là di sản thừa kế của ông Trần Ngh và bà Phạm Thị X.

- Ông Trần X, bà Trần Thị M và bà Phạm Thị H là hàng thừa kế của ông Trần Ngh. Bà Phạm Thị H là hàng thừa kế của bà Phạm Thị X.

- Ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị A, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H3 có trách nhiệm di dời để trả lại toàn bộ nhà đất tại số 120/41 (số mới 121/55/9) đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu có diện tích 386,4m² đất thuộc một phần thửa 488 mới (cũ 348), tờ bản đồ số 21 mới (cũ 03) thuộc lô A, B theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019 và vật kiến trúc trên đất gồm: 01 căn nhà 01 tầng loại 3, diện tích 109,4m²; nền gạch Ceramic, diện tích 40m² và 01 bể nước, thể tích 2,98m³ cho ông Trần X, bà Trần Thị M và bà Phạm Thị H.

Ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị A, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H3 được quyền lưu cư 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực. Trong thời gian lưu cư, ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị A, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H3 không được làm thay đổi hiện trạng nhà đất trên.

Những người thừa kế của ông Trần Ngh và bà Phạm Thị X có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục liên quan đến quyền sử dụng đất và phải chấp hành quy định pháp luật đất đai.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị A về việc yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 386,4m² thuộc lô A, B thuộc một phần thửa 488 mới (cũ 348), tờ bản đồ số 21 mới (cũ 03) theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019 thuộc quyền sử dụng của ông H bà A.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần X, bà Trần Thị M và bà Phạm Thị H hỗ trợ công sức giữ gìn, bảo quản di sản thừa kế đối với ông Phạm Văn H bà Đỗ Thị A số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ, năm trăm triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo vẽ, định giá, sao lục hồ sơ, giám định, nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

* Ngày 01/10/2020 ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị A kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H do tờ di chúc lập ngày 04/3/2002 của bà Phạm Thị X được lập không hợp pháp.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần X và bà Trần Thị M vì không đủ căn cứ xác định ông X và bà M là con của ông Trần Ngh, đồng thời ông Trần Ngh đã viết di chúc vượt quá phạm vi của mình.

Công nhận diện tích đất 386,4m² thuộc lô A B thuộc một phần thửa 488 (cũ 384), tờ bản đồ số 21 (cũ 03), theo sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019 thuộc quyền sử dụng của ông H, bà A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Nguồn gốc tài sản tranh chấp: Tài sản tranh chấp là nhà, đất tại số 120/41 (số mới 121/55/9) đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu có diện tích 386,4m² thuộc một phần thửa 448 (cũ 348), tờ bản đồ số 21 (cũ 03) (lô A, B theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019). Đất tranh chấp là một phần trong tổng diện tích đất 3.324m² đã được Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất số 1202/P4/Đ.K.R.Đ ngày 21/4/1990 cho bà Phạm Thị X; trên đất có 01 căn nhà 01 tầng loại 3 và 01 bể nước. Ông Ngh, bà X chung sống với nhau và có lập hôn thú ngày 10/4/1940 tại làng H, tỉnh Nam Định nên tài sản các đương sự hiện tranh chấp được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông Ngh, bà X. Di chúc lập ngày 04/3/2002 của bà Phạm Thị X cũng xác định ông Ngh, bà X là đồng sở hữu căn nhà 120/41A và quyền sử dụng đất thuộc thửa số 348, tờ bản đồ số 03, Phường T, thành phố Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký ruộng đất số 1202. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần X, bà Trần Thị M đều xác định nhà đất đang tranh chấp là của ông Trần Ngh và bà Phạm Thị X. Do đó, có đủ căn cứ xác định nhà đất hiện các đương sự tranh chấp là di sản do ông Ngh, bà X để lại.

- Về hàng thừa kế của ông Trần Ngh, bà Phạm Thị X: Hàng thừa kế của ông Trần Ngh: Trước khi chung sống với bà X thì ông Ngh chung sống với bà Phạm Thị Ch (chết năm 1997) và có 02 con chung là ông Trần X và bà Trần Thị M. Quá trình giải quyết vụ án, ông X và bà M không cung cấp được giấy tờ pháp lý thể hiện ông X, bà M là con của ông Ngh, bà Ch. Tuy nhiên, theo chứng cứ do ông X, bà M cung cấp là Sơ yếu lý lịch đảng viên của ông Trần X năm 1974 thể hiện ông X có cha đẻ là ông Trần Ngh, mẹ là Phạm Thị Ch và em gái là Phạm Thị M (sinh năm 1944). Giấy báo tử năm 1992 và đơn xin cải táng năm 1995 xác định ông Trần Ngh chết tại xã H được ông Trần X là con trai khai tử và cải táng đều ghi rõ ông Trần X là con trai của ông Trần Ngh được UBND xã H xác nhận. Căn cứ vào bản tường trình quan hệ nhân thân

của ông X, bà M ngày 28/7/2019 có chứng thực Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa– Vũng Tàu và đơn xin xác nhận của bà Trần Thị M ngày 24/01/2018 được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đều xác định ông X, bà M là con đẻ của ông Trần Ngh. Như vậy, tài liệu chứng cứ do ông X, bà M cung cấp thể hiện nội dung ông X, bà M là con của ông Ngh và bà Chà.

Hàng thừa kế của bà Phạm Thị X: Bà H cho rằng bà là con nuôi của ông Trần Ngh và bà Phạm Thị X, di chúc do bà X lập ngày 04/3/2002 thể hiện nội dung: Bà X và ông Trần Ngh không có con chung, chỉ có một người con nuôi là bà Phạm Thị H; người liên quan là ông X, bà M cũng thừa nhận Bà H là con nuôi ông Ngh, bà X nên có cơ sở cho rằng Bà H là con nuôi ông Ngh, bà X.

Ngoài ra, năm 1984, ông Trần Ngh lập di chúc, trong đó ông Ngh cũng xác định bà Phạm Thị H là con nuôi của ông Ngh bà X. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, theo kết quả xác minh tại cơ quan công an thành phố Vũng Tàu thể hiện qua các Bản khai nhân khẩu của ông Trần Ngh và của bà Phạm Thị X cùng đề ngày 25/6/1976 đều thể hiện nội dung: Ông Trần Văn X (Trần X), bà Trần Thị M và bà Phạm Thị H là con của ông Trần Ngh và bà Phạm Thị X. Từ những nội dung phân tích nêu trên cho thấy: Có đủ căn cứ xác định ông Trần X (Trần Văn X), bà Trần Thị M là con của ông Trần Ngh và bà Phạm Thị Ch; bà Phạm Thị H là con nuôi của ông Trần Ngh và bà Phạm Thị X. Như vậy, ông X, bà M và Bà H thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngh, bà X theo quy định tại Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 679 BLDS năm 1995).

- Về giá trị pháp lý di chúc của ông Ngh, bà X.

Về di chúc của ông Ngh, bà X lập năm 1984.

Bản di chúc Hiền Kh (ông Ngh), bà X lập năm 1984 thể hiện được những nội dung cơ bản của di chúc như di sản để lại, người để lại tài sản và người được hưởng di sản. Xét thấy, di chúc do ông Ngh, bà X lập có nhiều người làm chứng; đồng thời ngoài bản di chúc này thì đến năm 1992 các bên đã lập "Biên bản bàn giao di chúc" có xác nhận của UBND xã H ngày 12/01/1992 nên di chúc do ông Ngh lập là phù hợp với quy định của pháp luật. Xét thấy, di chúc lập năm 1984 ngoài chữ ký của ông Ngh còn có chữ ký của bà X; căn cứ vào kết luận giám định số 493 ngày 08/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa– Vũng Tàu có nội dung “1. Chữ viết “Phạm Thị X” tại trang 15 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết từ trang 1 đến trang 14 trên mẫu cần giám định ký hiệu A do cùng một người viết ra; 2. Chữ viết “Phạm Thị X” tại trang 15 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết mang tên “Phạm Thị X” trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1, M2 và M4 không phải do cùng một người viết ra”; 3. Không đủ cơ sở để kết luận chữ ký mang tên “Phạm Thị X” tại trang 15 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên “Phạm Thị X” trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 có phải do cùng một người ký ra hay không”. Do đó, chưa đủ căn cứ để xác định chữ viết, chữ ký Phạm Thị X trên di chúc năm 1984 là của bà X. Tuy nhiên, đối với nội dung di chúc do ông Ngh lập thì tài sản là căn nhà số 120/41 được để lại cho ông Trần X.

Di chúc bà Phạm Thị X lập ngày 04/3/2002 thì thấy: Di chúc do bà X lập được công chứng bởi Phòng công chứng số 1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phù hợp quy định tại Điều 664 BLDS năm 1995. Nội dung di chúc phù hợp với quy định tại Điều 656 BLDS năm 1995 nên có hiệu lực pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng

thời điểm lập di chúc năm 2002 bà X bị nhũn não nên không thể lập di chúc, tuy nhiên bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận lời khai này. Do đó, căn cứ vào nội dung di chúc do bà X lập thể hiện: Nhà 120/41A theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 96 do Sở đặc khu Vũng Tàu- Côn Đảo cấp ngày 25/03/1988 và quyền sử dụng lô đất thuộc tờ bản đồ số 03, thửa 348, Phường T, thành phố Vũng Tàu để lại cho con gái là bà Phạm Thị H.

- Về yêu cầu khởi kiện của Bà H, người liên quan là ông X, bà M buộc bị đơn và những người liên quan đang ở trên đất giao trả lại nhà đất.

Như nội dung phân tích nêu trên cho thấy: Ông X, bà M và Bà H thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngh, bà X; ông H là bị đơn chỉ là cháu không thuộc hàng thừa kế của ông Ngh, bà X. Mặt khác, theo di chúc do ông Ngh, bà X để lại thì di sản được định đoạt cho ông X và Bà H. Trong vụ án này, các đương sự không tranh chấp về chia thừa kế mà ông X, bà M và Bà H đều thống nhất đòi tài sản được hưởng thừa kế do bị đơn và người liên quan đang quản lý, sử dụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của ông X, bà M là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đều thừa nhận ông H bà A là người ở với bà X nên có công chăm sóc, phụng dưỡng bà X lúc già yếu đến khi chết. Ngoài ra, bị đơn đã sinh sống trên nhà đất tranh chấp từ năm 1989 cho đến nay nên có công giữ gìn, bảo quản di sản. Tại cấp sơ thẩm, Bà H, ông X và bà M tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn số tiền là 1.500.000.000đ; tại cấp phúc thẩm đã tự nguyện tăng lên 1.000.000.000đ là 2.500.000.000đ. Xét thấy, ông X, bà M, Bà H là tự nguyện hỗ trợ và nội dung này không vi phạm điều cấm của pháp luật nên cần ghi nhận, sửa án sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, các đương sự xác định cây trồng trên đất do bị đơn trồng có trị giá 30.000.000đ; Bà H, ông X và bà M đồng ý hoàn trả số tiền này cho bị đơn nên cần ghi nhận, sửa án sơ thẩm.

Đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị A. Sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà H, ông X và bà M khởi kiện yêu cầu xác định Bà H, ông X và bà M là người thừa kế của ông Trần Ngh và bà Phạm Thị X, yêu cầu ông H, bà A, bà H1, bà H3, Bà H trả lại di sản thừa kế của ông Ngh và bà X là nhà, đất và tài khác sản gắn liền với đất tại địa chỉ 121/55/9 đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu, đất có diện tích 386,4m² thuộc một phần thửa 488 (cũ 348), tờ bản đồ số 21 (cũ 03), Phường T, thành phố Vũng Tàu (lô A, B - theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019) cho Bà H, ông X và bà M nên quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp đòi lại tài sản là di sản thừa kế”. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về thừa kế tài sản và đòi tài sản” là chưa cụ thể, chưa rõ ràng, sửa lại phần này của bản án sơ thẩm cho phù hợp.

[2] Xét yêu cầu của các bên, thấy:

[2.1] Về hàng thừa kế của ông Trần Ngh và bà Phạm Thị X: Các đương sự đều xác nhận ông Trần Ngh và bà Phạm Thị X chung sống với nhau có hôn thú ngày 10-4-1940 (BL 170). Bà Phạm Thị H, ông Trần X (Trần Văn X) và bà Trần Thị M xác định ông Trần Ngh trước khi chung sống với bà Phạm Thị X, ông Trần Ngh có chung sống với bà Phạm Thị Ch và có hai con chung là ông Trần X và bà Trần Thị M. Bà Ch chết năm 1997. Việc ông Ngh chung sống với bà Chào và sau này kết hôn với bà X không có khiếu nại gì.

Bà Phạm Thị H, ông Trần X và bà Trần Thị M xác nhận bà Phạm Thị H là con nuôi của ông Trần Ngh và bà Phạm Thị X; di chúc của bà Phạm Thị X để lại tài sản cho con gái là bà Phạm Thị H (BL 15); di chúc của ông Trần Ngh xác nhận bà Phạm Thị H là con nuôi (BL 100); bản khai nhân khẩu của ông Trần Ngh và bà Phạm Thị X năm 1976 xác nhận ông Trần X, bà Trần Thị M và bà Phạm Thị H là con (BL 467, 469); đại diện tổ 6 khu phố 7, Phường T, thành phố Vũng Tàu xác nhận bà Phạm Thị H là con bà Phạm Thị X và ông Trần Ngh, bà Phạm Thị H sống với bà X và ông Ngh từ nhỏ (BL 475); tài liệu nhân thân của ông Trần X (Bản tường trình quan hệ nhân thân của ông X; Lý lịch đảng viên của ông X năm 1974 và năm 2001; Đơn xin cải táng ngày 26-12-1995, Đơn xin giấy báo tử ngày 10-01-1992) và di chúc của ông Trần Ngh xác định: Thời điểm ông Trần Ngh chết vào năm 1992, ông Trần Ngh có 02 người con với bà Phạm Thị Ch là ông Trần X và bà Trần Thị M. Bà Ch chết năm 1997. Cha mẹ của ông Ngh và bà Ch đều chết trước ông Ngh và bà Ch. Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định xác nhận ông Trần X, Trần Văn X, Trần Xuân X đều là một (BL 388). Như vậy xác định ông Trần X và bà Trần Thị M là con của ông Trần Ngh, bà Phạm Thị H là con nuôi của bà Phạm Thị X và ông Trần Ngh là có căn cứ.

[2.2] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng tài sản tranh chấp: Qua xác nhận của các đương sự và những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định nhà và đất tại địa chỉ số 120/41 (số mới 121/55/9) đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu có diện tích đất 386,4m² thuộc một phần thửa 488 (cũ 348), tờ bản đồ số 21 (cũ 03), Phường T, thành phố Vũng Tàu (lô A, lô B - Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019) được Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất số 1202/P4/Đ.K.R.Đ ngày 21/4/1990 cho bà Phạm Thị X là tài sản của ông Trần Ngh và bà Phạm Thị X để lại. Các đương sự đều xác nhận căn nhà trên đất tranh chấp do ông Ngh và bà X xây dựng từ năm 1962. Ông Ngh, bà X chung sống với nhau và có lập hôn thú ngày 10/4/1940 nên tài sản các đương sự hiện tranh chấp được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông Ngh, bà X. Di chúc lập ngày 04/3/2002 của bà Phạm Thị X cũng xác định ông Ngh, bà X là đồng sở hữu căn nhà 120/41A và quyền sử dụng đất thuộc thửa số 348, tờ bản đồ số 03, Phường T, thành phố Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký ruộng đất số 1202.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu xác nhận diện tích đất 386,4m² thuộc một phần thửa 488 (cũ 348), tờ bản đồ số 21 (cũ 03), Phường T, thành phố Vũng Tàu (lô A, lô B - Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019) chưa có quyết định thu hồi, chưa có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (BL 476).

Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố Vũng Tàu xác nhận: Qua việc kiểm tra bản đồ địa chính, sơ đồ vị trí do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019 và qua việc xem xét thẩm định tại chỗ xác định phần diện tích

đất 386,4m² trên thuộc một phần thửa cũ 348 (mới 488) tờ bản đồ cũ 03 (mới 21); đất tại địa chỉ số 120/41 (số mới 121/55/9) đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu có diện tích đất 386,4m² thuộc một phần thửa 488 (cũ 348), tờ bản đồ số 21 (cũ 03), Phường T, thành phố Vũng Tàu (lô A, lô B - Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019) đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 302, 303, 478).

Do đó, có đủ căn cứ xác định nhà và đất diện tích đất 386,4m² thuộc một phần thửa 488 (cũ 348), tờ bản đồ số 21 (cũ 03), Phường T, thành phố Vũng Tàu (lô A, lô B - Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019) là di sản do ông Trần Ngh và bà Phạm Thị Xuân.

Ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị A được ông Ngh và bà X cho ở cùng từ năm 1989, sau khi bà X chết năm 2006 vợ chồng ông H, bà A tiếp tục quản lý và sử dụng đến nay.

[2.3] Về di chúc của bà X: Ngày 04-3-2002 Bà X lập di chúc được Phòng Công chứng số 01 tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chứng nhận phù hợp quy định tại Điều 660, 664 BLDS năm 1995, Phòng Công chứng số 01 tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xác nhận Tờ di chúc của bà Phạm Thị X thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm công chứng. Nội dung di chúc Bà X xác định bà X và ông Ngh là đồng sở hữu sử dụng căn nhà số 120/41A và quyền sử dụng lô đất thuộc tờ bản đồ số 03, thửa 348, Phường T, thành phố Vũng Tàu để lại cho con gái là bà Phạm Thị H.

Ông H, bà A cho rằng di chúc do Bà X lập ngày 04-3-2002 không hợp pháp vì vào thời điểm lập di chúc, Bà X không đủ sức khỏe và không đủ minh mẫn, tuy nhiên ông H, bà A không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận lời khai này.

[2.4] Về di chúc của ông bà Hiền Kh ngày 09-02-1984 (BL từ 84 đến 100c): Là di chúc bằng văn bản, có người làm chứng, được ông Ngh xác nhận lại tại biên bản bàn giao di chúc năm 1992 có xác nhận của UBND xã H ngày 12/01/1992 nên di chúc do ông Ngh lập là phù hợp với quy định của pháp luật. Nội dung di chúc thể hiện ông Ngh và Bà X thống nhất thỏa thuận nhà và đất trên thuộc quyền sở hữu của ông Ngh, ông Ngh di chúc lại toàn bộ nhà, đất trên cho ông Trần X quản lý. Tại Kết luận giám định số 493/PC09-Đ2 ngày 08-5-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu kết luận “1. Chữ viết “Phạm Thị X” tại trang 15 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết từ trang 1 đến trang 14 trên mẫu cần giám định ký hiệu A do cùng một người viết ra; 2. Chữ viết “Phạm Thị X” tại trang 15 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết mang tên “Phạm Thị X” trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1, M2 và M4 không phải do cùng một người viết ra”; 3. Không đủ cơ sở để kết luận chữ ký mang tên “Phạm Thị X” tại trang 15 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên “Phạm Thị X” trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 có phải do cùng một người ký ra hay không” (BL 207). Do đó, chưa đủ căn cứ để xác định chữ viết, chữ ký Phạm Thị X trên di chúc năm 1984 là của bà X, do vậy di chúc có hiệu lực phân định đoạt tài sản của ông Ngh, di chúc của ông Ngh định đoạt phần tài sản của Bà X không có hiệu lực.

[2.5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H và yêu cầu độc lập của ông Trần X, bà Trần Thị M: Như nhận định ở phần trên, xác định diện tích đất 386,4m², nhà và tài sản khác gắn liền với đất thuộc một phần thửa 488 (cũ 348), tờ bản đồ số 21 (cũ

03), Phường T, thành phố Vũng Tàu là di sản của ông Trần Ngh và bà Phạm Thị X. Ông X, bà M và Bà H là người thừa kế của ông Ngh và bà X cùng thống nhất yêu cầu ông H, bà A, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H3 trả lại nhà và đất là di sản của ông Ngh, bà X cho ông X, bà M và Bà H, không yêu cầu phân chia trong vụ án. Ông H, bà A và 03 người con của ông H, bà A là bà H1, Bà H2, bà H3 không phải là người thừa kế của ông Ngh và Bà X và hiện nay đang ở trên nhà và đất là di sản của ông Ngh và bà X nêu trên. Vì vậy, việc Bà H, ông X và bà M yêu cầu ông H, bà A, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H3 trả lại nhà và đất nêu trên cho ông Trần X, bà Trần Thị M và bà Phạm Thị H là có căn cứ chấp nhận.

Để bảo đảm cho ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị A, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H3 có điều kiện xác lập nơi ở mới, giành quyền lưu cư 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị A, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H3. Trong thời gian lưu cư, ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị A, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H3 không được làm thay đổi hiện trạng nhà, đất trên.

[2.6] Đối với yêu cầu của ông H và bà A yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất 386,4m² thuộc lô A, B thuộc một phần thửa 488 (cũ 348), tờ bản đồ số 21 (cũ 03), Phường T, thành phố Vũng Tàu theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019 thuộc quyền sử dụng của ông H, bà A: Ông H, bà A cho rằng ông Ngh và Bà X cho ông H, bà A phần diện tích đất trên. Bà Phạm Thị H, ông Trần X và bà Trần Thị M không thừa nhận việc ông H và bà A được ông Ngh và bà X cho diện tích đất này. Ông H và bà A không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.7] Về công sức giữ gìn, bảo quản di sản thừa kế: Giá trị nhà và đất tranh chấp theo kết quả định giá là 10.576.000.000đ; ông H, bà A ở nhà và đất theo đề nghị của ông Ngh và bà X. Sau khi ông Ngh Bà X chết, ông H, bà A là người quản lý, gìn giữ tài sản này. Ngoài ra các đương sự xác nhận ông H và bà A có thời gian chăm sóc bà X khi ở cùng. Mặc dù ông H, bà A không yêu cầu nhưng những người được hưởng di sản của ông Ngh, bà X phải thanh toán một khoản tiền công sức gìn giữ, bảo quản di sản thừa kế và công chăm sóc bà X cho ông H và bà A là phù hợp. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, Bà H, ông X và bà M tự nguyện hỗ trợ tiền công sức giữ gìn, bảo quản di sản và công chăm sóc bà X cho ông H, bà A là 1.500.000.000đ, ông H và bà A thông qua người đại diện đồng ý nhận số tiền này nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là bảo đảm. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, Bà H, ông X và bà M xác nhận vì tình cảm nên đồng ý hỗ trợ tăng thêm cho ông H và bà A 1.000.000.000đ, tổng cộng là 2.500.000.000đ, đây là sự tự nguyện của đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với thực tế nên ghi nhận. Sửa phần này của bản án sơ thẩm.

[2.8] Về nhà, vật kiến trúc trên đất: Trên phần diện tích đất 386,4m² thuộc thửa 488 (cũ 348), tờ bản đồ số 21 (cũ 03), Phường T, thành phố Vũng Tàu (lô A, B theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019) có vật kiến trúc gồm 01 căn nhà 01 tầng loại 3 và 01 bể nước. Ông H và bà A xác nhận có sửa chữa vật kiến trúc trên đất nhưng là sửa chữa nhỏ và không yêu cầu gì đối với nhà và vật kiến trúc này nên không xem xét.

[2.9] Về cây trên đất: Các bên thống nhất xác nhận trên đất tranh chấp có một số cây do ông H và bà A trồng, tổng giá trị cây là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) (BL

423, 424). Bà H, ông X và bà M đồng ý được sở hữu cây và trả cho ông H, bà A giá trị cây là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[3] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H3 không có yêu cầu gì trong vụ án này nên không xem xét.

[4] Chi phí thẩm định, đo vẽ, định giá và sao lục hồ sơ tại Tòa án cấp sơ thẩm: Lần 1 là 5.263.557đ do Bà H nộp; lần 2: 2.950.000đ do ông H, bà A nộp. Bà H, Ông H và bà A tự nguyện chịu phần mình đã nộp, không yêu cầu gì.

[5] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại Tòa án cấp phúc thẩm là 1.000.000đ: Bà H tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[6] Chi phí giám định là 2.550.000đ: Ông H, bà A tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm:

[7.1] Yêu cầu khởi kiện của bà Hiền và yêu cầu độc lập của ông X, bà M được chấp nhận, yêu cầu phản tố của ông H, bà A không được chấp nhận nên ông H, bà A phải chịu, nhưng được miễn do là người cao tuổi.

[7.2] Ông X, bà M và bà H phải chịu án phí đối với số tiền 2.530.000.000đ trả cho ông H và bà A, nhưng được miễn do là người cao tuổi.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông H và bà A được miễn do là người cao tuổi.

Từ nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của ông H và bà A. Sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị A. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, như sau:

Căn cứ các Điều 26, 39, 157, 161, 165, 227, 228, 229 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 653, 655, 660 và 670 của Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 100 Luật Đất đai; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐCP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 12, 26, 27, 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H và yêu cầu độc lập của ông Trần X (Trần Văn X), bà Trần Thị M đối với ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị A, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H3 về việc tranh chấp đòi lại tài sản là di sản thừa kế.

Tuyên bố: Nhà và diện tích đất và tài sản khác gắn liền với đất (trừ phần cây do ông H và bà A trồng) tại địa chỉ số 121/55/9 (cũ là 120/41) đường B, Phường T, thành

phố Vũng Tàu, đất có diện tích 386,4m² thuộc một phần thửa 488 (cũ 348), tờ bản đồ số 21 (cũ 03), Phường T, thành phố Vũng Tàu (lô A và lô B - sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019) là di sản của ông Trần Ngh và bà Phạm Thị X.

2. Ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị A, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H3 có nghĩa vụ trả lại nhà, diện tích đất và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 121/55/9 (cũ là 120/41) đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu, đất có diện tích 386,4m² thuộc một phần thửa 488 (cũ 348), tờ bản đồ số 21 (cũ 03), Phường T, thành phố Vũng Tàu (lô A và lô B - sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019) cho bà Phạm Thị H, ông Trần X (Trần Văn X) và bà Trần Thị M.

3. Ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị A, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H3 được quyền lưu cư tại nhà và đất tại địa chỉ số 121/55/9 đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu, đất có diện tích 386,4m² thuộc một phần thửa 488, tờ bản đồ số 21, Phường T, thành phố Vũng Tàu (lô A và lô B - sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019) trong thời hạn 03 (Ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực. Trong thời gian lưu cư, ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị A, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H3 không được làm thay đổi hiện trạng nhà, đất và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên.

4. Bà Phạm Thị H, ông Trần X (Trần Văn X) và bà Trần Thị M có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký và thực hiện về quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 386,4m² thuộc một phần thửa 488 (cũ 348), tờ bản đồ số 21 (cũ 03), Phường T, thành phố Vũng Tàu (lô A và lô B - sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019) theo quy định.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị A về việc yêu cầu công nhận diện tích đất 386,4m² thuộc một phần thửa 488 (cũ 348), tờ bản đồ số 21 (cũ 03), Phường T, thành phố Vũng Tàu (lô A và lô B - sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 05/6/2019) thuộc quyền sử dụng của ông H, bà A.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần X (Trần Văn X), bà Trần Thị M và bà Phạm Thị H hỗ trợ cho ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị A về công sức gìn giữ, bảo quản di sản và công chăm sóc bà Phạm Thị X với số tiền là 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) và trả giá trị cây trên đất cho ông H, bà A số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Tổng cộng là 2.530.000.000đ (Hai tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng).

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

8. Chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và sao lục hồ sơ tại Tòa án cấp sơ thẩm là 8.213.557đ (Tám triệu hai trăm mười ba nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng): Ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị A và bà Phạm Thị H tự nguyện chịu phần mình đã nộp và đã nộp xong.

9. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại Tòa án cấp phúc thẩm là 1.000.000đ (Một triệu đồng): Bà Phạm Thị H tự nguyện chịu và đã nộp xong.

10. Chi phí giám định là 2.550.000đ (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng): Ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị A tự nguyện chịu và đã nộp xong.

11. Án phí dân sự sơ thẩm:

11.1. Ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị A được miễn do là người cao tuổi.

11.2. Bà Phạm Thị H, ông Trần X (Trần Văn X) và bà Trần Thị M được miễn do là người cao tuổi. Hoàn trả cho Bà H 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007888 ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; Hoàn trả cho ông Trần X và bà Trần Thị M 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001095 ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

12. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị A được miễn do là người cao tuổi.

13. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

14. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- TAND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Tâm

